Dưới đây là một bảng dễ hiểu về các kiểu dữ liệu trong C++ và phạm vi sử dụng tương ứng của chúng:

| **Kiểu Dữ Liệu** | **Phạm Vi Sử Dụng** | **Kích Thước (ví dụ)** |
| --- | --- | --- |
| Số Nguyên (Integer Types) |  |  |
| **int** | -2,147,483,648 đến 2,147,483,647 | 4 byte (32-bit) |
| **unsigned int** | 0 đến 4,294,967,295 | 4 byte (32-bit) |
| **short** | -32,768 đến 32,767 | 2 byte (16-bit) |
| **unsigned short** | 0 đến 65,535 | 2 byte (16-bit) |
| **long** | -2,147,483,648 đến 2,147,483,647 | 4 byte (32-bit) |
| **unsigned long** | 0 đến 4,294,967,295 | 4 byte (32-bit) |
| Số Thực (Floating-Point Types) |  |  |
| **float** | Xấp xỉ ±1.2e-38 đến ±3.4e38 | 4 byte (32-bit) |
| **double** | Xấp xỉ ±2.3e-308 đến ±1.7e308 | 8 byte (64-bit) |
| **long double** | Xấp xỉ ±3.4e-4932 đến ±1.1e4932 | Phụ thuộc vào nền (>= 8) |
| Ký Tự (Character Types) |  |  |
| **char** | -128 đến 127 | 1 byte (8-bit) |
| **unsigned char** | 0 đến 255 | 1 byte (8-bit) |
| **wchar\_t** | Phụ thuộc vào nền (thường 2 hoặc 4 byte) | Phụ thuộc vào nền |
| Luận Lý (Boolean Type) |  |  |
| **bool** | **true** hoặc **false** | 1 byte (thường) |
| Liệt Kê (Enumeration Types) |  |  |
| **enum** | Giá trị liệt kê đã định | Phụ thuộc vào định nghĩa |
| Con Trỏ (Pointer Types) |  |  |
| **T\*** | Con trỏ đến kiểu **T** | Phụ thuộc vào nền |
| Mảng (Array Types) |  |  |
| **T[]** | Mảng các phần tử kiểu **T** | Phụ thuộc vào kích thước |
| Chuỗi Ký Tự (String Types) |  |  |
| **char[]** | Chuỗi ký tự | Phụ thuộc vào kích thước |
| **std::string** | Chuỗi ký tự (thư viện chuỗi C++) | Phụ thuộc vào nội dung |
| Cấu Trúc (Structure Types) |  |  |
| **struct** | Định nghĩa kiểu dữ liệu cấu trúc | Phụ thuộc vào định nghĩa |
| Lớp (Class Types) |  |  |
| **class** | Định nghĩa kiểu dữ liệu lớp | Phụ thuộc vào định nghĩa |
| Liên Hiệp (Union Types) |  |  |
| **union** | Định nghĩa kiểu dữ liệu liên hiệp | Phụ thuộc vào định nghĩa |

Lưu ý rằng kích thước và phạm vi sử dụng có thể thay đổi tùy thuộc vào nền (platform) và trình biên dịch (compiler) bạn sử dụng. Tuy nhiên, bảng trên đưa ra một cái nhìn tổng quan về các kiểu dữ liệu phổ biến trong C++